

Bản án số: 232/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2026

“Tranh chấp về Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc

Ông Lê Hữu Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Quốc Việt, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hát – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2026/TLST-HNGĐ, ngày 28/01/2026 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đinh Như H** – sinh năm 1998;

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thành K** – sinh năm 1996 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ E, ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ E, ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.

(chị H và bà N có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 27/01/2026 và tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 06/4/2026, nguyên đơn chị **Đinh Như H** trình bày:

Vào năm 2020, chị và anh **Nguyễn Thành K** tự tìm hiểu tình cảm được một thời gian thì đi đến kết hôn. Hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục và vợ chồng chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 26/02/2020.

Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thời gian sau đó thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H là do anh K khó khăn, tính gia trưởng, không lo làm ăn, khuyên nhủ không được nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, chị không chịu đựng được nên bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ tháng 8/2025 đến nay. Trong thời gian ly thân chị và chồng không trao đổi cũng như không có biện pháp hàn gắn tình cảm với nhau được. Nay, sau thời gian dài ly thân chị xét thấy không thể hàn gắn nên xin được ly hôn với anh K, để trả cho cả hai sự tự do, không ràng buộc gì với nhau về sau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Gia H1 – sinh ngày 02/5/2021 và Nguyễn Gia H2 – sinh ngày 24/5/2023, con chung hiện tại đang sống cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyện vọng: Về quan hệ hôn nhân, chị Đinh Như H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành K; Về con chung, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung 02 con chung là Nguyễn Gia H1 – sinh ngày 02/5/2021 và Nguyễn Gia H2 – sinh ngày 24/5/2023 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Nguyễn Thành K không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh K nhưng chị không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh K.

Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng ngày 31/3/2026 Người làm chứng bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ tôi là mẹ của Nguyễn Thành K, sinh năm 1996, cháu Đinh Như H là con dâu của tôi. Vào năm 2020 gia đình có tổ chức đám cưới cho cháu K và cháu H, hôn nhân được sự đồng ý của hai gia đình, sau khi cưới cháu H về làm dâu tại đây.

Quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc và có được 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H1 – sinh ngày 02/5/2021 và cháu Nguyễn Gia H2 – sinh ngày 24/5/2023. Sau này vợ chồng cháu K đi buôn bán thì có mâu thuẫn vợ chồng nhưng không lớn. Sau này, do buôn bán không được nên cháu K bỏ đi Bình Dương làm, bỏ cháu H ở lại đây khoảng 02 – 03 tháng thì cháu Huỳnh X về quê mẹ tại Đ - Bạc Liêu sinh sống. Còn cháu K đi không về thăm nhà, nguyên nhân mâu thuẫn chính là do cháu K bỏ vợ con đi không về thăm vợ con. Hiện nay cháu H và các con ở bên ngoại (tại Bạc Liêu), còn cháu K có qua quê vợ thăm vợ con

không thì tôi không biết. Thời gian gần đây tôi có gọi điện trao đổi với cháu H thì được biết cháu K không còn tới lui thăm con, cũng như gởi tiền phụ lo cho con. Đối với cháu K hiện nay làm gì ở đâu thì tôi không biết, thỉnh thoảng có gọi điện về hỏi thăm.

Quá trình chung sống thì cháu K và cháu H không có tạo lập tài sản chung gì, cũng như không có nợ nần ai khác. Đối với hai con chung theo tôi nên giao hai cháu cho chị H nuôi dưỡng do bên ngoại đã nuôi từ nhỏ. Đối với việc yêu cầu ly hôn của cháu H thì tôi không có ý kiến gì mà do các con quyết định.

Do cháu K có đăng ký thường trú tại đây nên tôi xin nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án thay cháu K và cam kết sẽ giao, thông báo lại cho cháu K biết. Do bận việc nhà nên tôi xin vắng mặt phiên tòa xét xử vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Đinh Như H được ly hôn với anh Nguyễn Thành K; Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Gia H1 – sinh ngày 02/5/2021 và Nguyễn Gia H2 – sinh ngày 24/5/2023 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không có và chị H không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Đinh Như H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành K được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Chị Đinh Như H với tư cách là nguyên đơn trong vụ án có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án,

căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

Anh Nguyễn Thành K với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh K không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, anh Nguyễn Thành K đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thành K.

[2] Về hôn nhân: Chị Đinh Như H và anh Nguyễn Thành K xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 26/02/2020, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Đinh Như H được ly hôn với anh Nguyễn Thành K vì lý do anh K gia trưởng, không lo làm ăn, khuyến nhủ không được nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi và vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 8/2025 đến nay. Từ ngày ly thân chị và anh K không gặp mặt, không trao đổi với nhau, cũng như không có biện pháp hàn gắn im lặng kéo dài đến nay.

Đối với anh Nguyễn Thành K, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh K đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Chị Đinh Như H khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng chị không hòa giải được với nhau, bản thân chị thì không còn tình cảm gì với anh K và tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh K. HĐXX thấy rằng, chị Đinh Như H và anh

Nguyễn Thành K đã không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân là để cả hai có thời gian cùng nhau nhìn lại những gì đã trải qua nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Như H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Đinh Như H xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Gia H1 – sinh ngày 02/5/2021 và Nguyễn Gia H2 – sinh ngày 24/5/2023.

Cháu H1 và cháu H2 hiện nay đang sống cùng với chị H nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi và không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con. Xét từ ngày ly thân đến nay hai cháu đều do chị H chăm sóc và cháu phát triển một cách bình thường như bao đứa trẻ khác nên yêu cầu nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX xem xét ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Như H xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Do anh Nguyễn Thành K không có ý kiến tại Tòa về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên thì anh K có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn chị Đinh Như H phải chịu nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đinh Như H được ly hôn với anh Nguyễn Thành K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia H1 – sinh ngày 02/5/2021 và Nguyễn Gia H2 – sinh ngày 24/5/2023 cho chị Đinh Như H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc chị Như H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thành K không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh K thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đinh Như H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 300582, ngày 28/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị Đinh Như H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 22/6/2026.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Định Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhập